

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

Bản án số: 04/2021/TCDS- ST
Ngày 03-02-2021
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Bích Thủy

- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Không tham
dự

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên
tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST-TCDS ngày 24
tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- TCDS ngày 26-01-2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thu M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y- Có mặt

Bị đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y- Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-12-2020, bản tự khai và các lời khai trong quá
trình giải quyết vụ án chị Lê Thu M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết ngày
21-9-2018 Bà Trần Thị V có đến nhà chị M vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất
thỏa thuận miệng 5%/tháng, thời hạn trả nợ là 21-11-2018. Tháng 4-2019 bà Vân
trả chị được 10.000.000 đồng và tháng 9-2020 trả tiếp được 5.000.000 đồng qua tài
khoản. Nay chị M yêu cầu bà Vân phải trả chị tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền
lãi là 18.000.000 đồng

Tại bản tự khai ngày 06-01-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị V trình bày: Chị V và chị Lê Thu M có mối quan hệ quen biết. Ngày 21-9-2018 chị V có vay của chị Lê Thu M 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 5%, số lãi 02 tháng là 15.000.000 đồng, tiền lãi chị V trả hàng tháng. Tiền gốc chị V trả đúng hạn như đã ghi trong giấy vay tiền. Nay chị M lại yêu cầu chị V trả số tiền nói trên, chị không nhất trí. Vì khi trả 150.000.000 đồng cho chị M chị V đã sơ suất không thu lại tờ giấy biên nhận vay tiền.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

{3} *Yêu cầu số tiền vay:* Chị Lê Thu M và chị Trần Thị V có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, và có thời hạn trả. Đến nay chị V chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho chị M là đúng thực tế.

Đây là giao dịch dân sự được xác lập sau ngày 01-01-2017 đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự số 91/2015 do đó cần áp dụng các quy định này để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị V xác nhận ngày 21-9-2018 có vay tiền của chị M số tiền 150.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 21-11-2018. Chị V cho rằng chị đã trả cả tiền vay gốc và lãi cho chị M theo đúng hợp đồng, nhưng chị V không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh chị đã trả đủ tiền cho chị M. Nguyên đơn chị M xuất trình chứng cứ giấy biên nhận vay tiền ngày 21-9-2018 đã nộp cho Tòa án. Tại giấy biên nhận vay tiền này chị V cũng thừa nhận do chị viết và ký nhận. Nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị V số tiền vay 150.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...*” đồng thời khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Trong vụ án này mặc dù quá hạn chị M đã nhiều lần yêu cầu, nhưng chị V vẫn không thanh toán số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị M đối với số tiền chị V vay 150.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận, cần buộc chị V phải trả cho chị M số tiền đã vay 150.000.000 đồng.

{4} Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị M xác định tháng 4-2019 và tháng 9-2020 chị V đã trả lãi 15.000.000 đồng. Về phía chị V cũng thừa nhận đã trả lãi cho chị M 15.000.000 đồng. Nay chị M yêu cầu chị V còn phải tiếp tục trả chị M tiền lãi 18.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 5 NQ số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức lãi suất chị M yêu cầu thấp hơn mức lãi suất pháp luật quy định, nên yêu cầu này của chị M có căn cứ chấp nhận cần buộc chị V phải tiếp tục trả chị M 18.000.000 đồng tiền lãi.

{5} Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên chị M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{6} Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật: Áp dụng vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Trần Thị V phải có trách nhiệm trả cho chị Lê Thu M số tiền vay gốc và lãi 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí:

- Chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Chị Lê Thu M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị M được hoàn lại 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0008428 ngày 24-12-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Y.

3- *Quyền kháng cáo*: Chị Lê Thu M, chị Trần Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS L;
- CCTHA L;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh